

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HS-ST
Ngày 20 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Nhật Đại

Bà Nguyễn Thị Lam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đặng Thị S, sinh ngày 05/11/1974 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002174005428 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B (đã chết) và bà Triệu Thị L; có chồng là Đặng Văn V, sinh năm 1976; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Đặng Thị X, sinh ngày 17/10/1992 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi thường trú: Tổ A, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh Hà Giang; nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002192000693 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/4/2021; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn M và bà Đặng Thị S1; có chồng là Trần Hữu Đ, sinh năm 1986; có 01 con sinh năm 2018; tiền án,

tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Đặng Văn Đ1, sinh ngày 10/02/1984 tại huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 008084000822 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/3/2021; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Q (đã chết) và bà Đặng Thị T; có vợ là Bàn Thị K, sinh năm 1983; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 89/2012/HS-PT, ngày 28/11/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, (đã được xóa án tích), tại bản án số 12/2018/HS-PT, ngày 02/5/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” (đã được xóa án tích); bị cáo ra đầu thú ngày 08/6/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Triệu Văn L1, sinh ngày 24/02/1997 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002097007922 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/12/2022; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn C (đã chết) và bà Đặng Thị N; có vợ là Tẩn Thị L2, sinh năm 1999; có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 28/02/2023 bị Công an huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt hành chính số tiền là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) về hành vi Đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 21/4/2023, hiện chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Bàn Văn H, sinh ngày 12/02/1965 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002065003856 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; Đảng, đoàn thể: Là đảng viên Đ5, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 128-QĐ/UBKTHU ngày 14/12/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy B1; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn M1 (đã chết) và bà Trần Thị G, sinh năm 1943; có vợ là Chương Thị S2, sinh năm 1964; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1988; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Lý Văn V1, sinh ngày 28/02/1997 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002097002047 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/5/2023; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn H1 và bà Đặng Thị N1; có vợ là Lý Thị M2, sinh năm 2002; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018 (đã chết), con

nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Trương Văn L3, sinh ngày 05/01/1969 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002069004510 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; Đảng, đoàn thể: Là đảng viên Đ5, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 127-QĐ/UBNDTHU ngày 14/12/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy B1; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T1 (đã chết) và bà Lý Thị N2 (đã chết); có vợ là Trần Thị Đ2, sinh năm 1969; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Hoàng Văn K1, sinh ngày 06/01/1977 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Giáo viên; Căn cước công dân số 002077003071 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L4; có vợ là Nguyễn Thị X1, sinh năm 1984 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/02/2021 bị công an xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt hành chính số tiền là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) về hành vi Đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 26/02/2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Lý Thị H2, sinh ngày 12/8/1992 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002192010139 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp 25/6/2021; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn H1 và bà Đặng Thị N1; có chồng thứ nhất là Đặng Văn M (đã ly hôn), chồng thứ hai là Trương Quốc H3 (đã ly hôn); có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Đặng Văn T3, sinh ngày 15/10/2000 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002200003101 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/7/2021; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D và bà Bàn Thị C1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo ra đầu thú ngày 08/6/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Đặng Thị N1, sinh ngày 13/9/1973 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công

dân số 002173003484 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T4 (đã chết) và bà Đặng Thị Đ3; có chồng là Lý Văn H1, sinh năm 1974; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

12. Nguyễn Thị T5, sinh ngày 03/01/1965 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn M, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002165003441 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/10/2022; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình S3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M3; có chồng là Hà Thanh H4 (đã chết), có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 42/2007/HSST, ngày 27/9/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” (đã được xóa án tích), tại bản án số 20/2008/HSST, ngày 13/6/2008 bị tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023, hiện nay đang bị tạm giam trong vụ án khác; có mặt.

13. Trương Văn V2, sinh ngày 29/8/1965 tại huyện V, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002065004057 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; trình độ học vấn: Lớp 0/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T6 (đã chết) và bà Trương Thị A (đã chết); có vợ là Lý Thị C2, sinh năm 1966; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 28/02/2023 bị Công an huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt hành chính số tiền là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) về hành vi Đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 21/4/2023, nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

14. Lý Thị M2, sinh ngày 29/3/2002 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002302002023 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/12/2022; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Phủng T7 và bà Lý Thị N3; có chồng là Lý Văn V1, sinh năm 1997; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018 (đã chết), con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

15. Đặng Thị N4, sinh ngày 15/10/1970 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002170003607 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật

tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quang N5 (đã chết) và bà Lý Thị N6 (đã chết); có chồng là Đặng Văn B, sinh năm 1972; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

16. Trương Thị N7, sinh ngày 21/3/1988 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002188011021 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/9/2022; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L3 và bà Trần Thị Đ2; có chồng là Hoàng Văn L5, sinh năm 1992; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

17. Lý Thị D1, sinh ngày 01/01/1974 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Căn cước công dân số 002174004925 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/9/2022; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ4 (đã chết) và bà Đặng Thị C3 (đã chết); có chồng là Lý Văn K2, sinh năm 1971; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 40 phút ngày 09/5/2023, Công an huyện B phối hợp với Công an xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang tại gian bếp của gia đình Đặng Thị S, sinh năm 1974, trú tại thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang có các đối tượng đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng gồm: Đặng Thị N4, sinh năm 1970; Triệu Văn L1, sinh năm 1997; Lý Văn V1, sinh năm 1997; Lý Thị H2, sinh năm 1992; Trương Văn V2, sinh năm 1965; Đặng Thị N1, sinh năm 1973; Đặng Thị X, sinh năm 1992; Lý Thị M2, sinh năm 2002 cùng trú tại thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Trương Văn L3, sinh năm 1969; Trương Thị N7, sinh năm 1988 cùng trú tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Lý Thị D1, sinh năm 1974 trú tại thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Bàn Văn H, sinh năm 1965, trú tại thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nguyễn Thị T5, sinh năm 1965, trú tại thôn M, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang; Hoàng Văn K1, sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã T huyện B, tỉnh Hà Giang. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm: Số tiền là 6.500.000đ (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*); 01 bát sứ màu trắng, cũ đã qua sử dụng; 01 đĩa sứ màu trắng có hoa văn, cũ đã qua sử dụng; 04 quân bạc bằng tre, một mặt màu trắng, một mặt màu đen; 05 quân bài tứ lơ khơ; 01 chiếu nhựa màu xanh, cũ đã qua sử dụng. Cơ quan Công an

đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan để điều tra, giải quyết theo quy định.

Ngoài ra các đối tượng đã giao các đồ vật, tài liệu sau: Hoàng Văn K1 giao 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu Redmi; 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe wave, BKS 20M5-1298 màu đỏ. Lý Thị M2 giao 01 điện thoại di động màu đen loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Oppo. Đặng Thị S giao 01 điện thoại di động màu đen loại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo. Trương Thị N7 giao 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu Oppo, mặt trước có nhiều vết nứt vỡ. Lý Thị H2 giao 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu Iphone. Đặng Thị N1 giao 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu Realme. Đặng Thị X giao 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu đỏ - đen, nhãn hiệu VIVO. Lý Văn V1 giao 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu Vsmart; 01 xe máy màu xanh, nhãn hiệu honda wave, BKS 23B1-508.50. Bàn Văn H giao 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu S4, mặt trước màn hình bị nứt vỡ, cũ đã qua sử dụng (*không kiểm tra tình trạng bên trong máy*); 01 xe máy nhãn hiệu honda Wave RSX màu trắng xám, BKS 23B1-193.45; Số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Trương Văn L3 giao 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu xanh nhãn hiệu Oppo, mặt trước màn hình bị nứt vỡ. Nguyễn Thị T5 giao 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu OPPO, Cơ quan Công an đã lập biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử.

Quá trình bắt quả tang, có 02 (*hai*) đối tượng bỏ trốn khỏi hiện trường gồm Đặng Văn Đ1, sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang và Đặng Văn T3, sinh năm 2000, trú tại thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Ngày 08/6/2023 Đặng Văn Đ1 và Đặng Văn T3 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 09/5/2023, tại quán của Đặng Thị X, sinh năm 1992, trú tại thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang có Đặng Thị N1, sinh năm 1973, Triệu Văn L1, sinh năm 1997; Lý Văn V1, sinh năm 1997 cùng trú tại thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Lý Thị D1, sinh năm 1975 trú tại thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nguyễn Thị T5, sinh năm 1965, trú tại thôn M, xã K, huyện B, tỉnh Hà Giang; Hoàng Văn K1, sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, Đặng Văn Đ1, sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang đến chơi. Lúc này thấy đông người, X rủ mọi người "*hôm nay mưa làm tí nhí*", ý X rủ mọi người đánh bạc và được mọi người đồng ý. Sau đó X đi sang nhà Đặng Thị S, sinh năm 1974 giáp quán của X và nói "*hôm nay hay là mượn bếp nhà bà chơi nhí?*", Đặng Thị S hiểu ý của X mượn bếp để đánh bạc, do quen biết và giáp nhà nhau nên S đồng ý, sau đó S đi xuống bếp trải chiếu nhựa màu xanh lấy ở nhà mình cho mọi người đánh bạc. Lúc này X cùng mọi người đi sang khu vực bếp nhà Đặng Thị S. Khi xuống đến bếp, Đặng Văn Đ1 lấy 01 (*một*) bát sứ màu trắng, 01 (*một*) đĩa sứ màu trắng có hoa văn cũ đã qua sử dụng ở bếp nhà S, đồng thời Đ1 đi cắt 04 (*bốn*) quân bạc bằng tre, bôi một mặt màu đen rồi mang những đồ vật trên ra chiếu chỗ mọi người ngồi để đánh bạc. Lúc này Triệu Văn L1 nói "*có ai xóc không, không có thì để cháu xóc cái*" và được mọi người

đồng ý, sau đó Đặng Thị X, Đặng Thị N1, Triệu Văn L1, Lý Văn V1, Lý Thị D1, Nguyễn Thị T5, Hoàng Văn K1, Đặng Văn Đ1 cùng nhau đánh bạc.

Cách thức đánh bạc được quy ước như sau: Bên tay trái của người xóc cái là cửa lẻ, bên tay phải người xóc cái là cửa chẵn, khi đánh bạc không quy định mức cược tiền cụ thể mà để cho mọi người tự cá cược tiền với nhau, tỷ lệ cá cược đặt bao nhiêu nếu thắng thì ăn bấy nhiêu và ngược lại. Triệu Văn L1 cho 04 (bốn) quân bạc vào đĩa sứ, úp bát sứ lên xóc nhiều lần rồi đặt xuống chiếu, sau đó mọi người tự đặt tiền cược với nhau, khi mở bát nếu tất cả bốn quân bạc đen hoặc bốn quân bạc trắng, hoặc hai quân bạc đen, hai quân bạc trắng thì là “chẵn”, còn một quân bạc đen, ba quân bạc trắng hoặc một quân bạc trắng, ba quân bạc đen thì “lẻ”. Nếu là lẻ thì người đặt cược ở cửa lẻ được số tiền tương ứng với số tiền đã đặt cược, còn nếu là chẵn thì người đặt cược ở cửa chẵn được số tiền tương ứng với số tiền đã đặt cược. Trong lúc chơi, Đặng Văn Đ1 lấy 05 quân tứ lơ khơ gồm 02 quân 4 đỏ - đen, 02 quân 3 đỏ - đen và 01 quân 2 để làm bảng vị cá cược tiền với người chơi, không quy định tỷ lệ cá cược cụ thể, khi chơi bảng vị quy định nếu người chơi đánh quân 2 (xấp 2) nếu thắng cược được tính theo tỉ lệ 1 ăn 1,5 (đánh 10.000 đồng nếu thắng người chơi được tổng số tiền là 25.000 đồng); đánh vào quân 3 đỏ hoặc 3 đen (xấp 3) nếu thắng cược được tính theo tỉ lệ 1 ăn 2 (đánh 10.000 đồng nếu thắng người chơi sẽ được tổng số tiền 30.000 đồng); đánh vào quân 4 đỏ hoặc 4 đen (xấp 4), nếu người chơi thắng cược sẽ được tính tiền theo tỉ lệ 1 ăn 9 (đánh 10.000 đồng nếu thắng người chơi sẽ được tổng số tiền 100.000 đồng). Những người trên đánh bạc được khoảng 15 đến 20 phút thì có thêm Lý Thị M2, sinh năm 2002; Đặng Văn T3, sinh năm 2000 cùng trú tại thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Trương Thị N7, sinh năm 1988; Trương Văn L3, sinh năm 1969 cùng trú tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Bàn Văn H, sinh năm 1965 trú tại thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang lần lượt đến và tham gia đánh bạc. Lúc này thì Đặng Thị X nói với tất cả mọi người có mặt ở đó “ai đánh thì mỗi người nộp từ 20.000 đồng cho chủ nhà”, L1 nộp 20.000 đồng, K1 nộp 50.000 đồng, Hội nộp 20.000 đồng, T5 nộp 20.000 đồng, V1 nộp 20.000 đồng, L3 nộp 50.000 đồng, M2 nộp 30.000 đồng, Nôi nộp 30.000 đồng, T3 nộp 30.000 đồng, Đài nộp 50.000 đồng. Mọi người đưa cho L1, Lộc đếm được 320.000 đồng (ba trăm hai mươi nghìn đồng) và đưa lại hết số tiền đó cho Đặng Thị X, sau đó X đưa lại cho Đặng Thị S để trả tiền thuê địa điểm đánh bạc. Sau đó có thêm Trương Văn V2, sinh năm 1965, Đặng Thị N4, sinh năm 1970; Lý Thị H2, sinh năm 1992 cùng trú tại thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang lần lượt đến cùng tham gia đánh bạc. 16 đối tượng tham gia đánh bạc đến khoảng 15 giờ 40 phút ngày 09/5/2023 thì bị cơ quan Công an huyện B phát hiện, bắt quả tang.

Quá trình điều tra đã xác định được số tiền các đối tượng mang theo và sử dụng để đánh bạc như sau: Đặng Thị X sử dụng số tiền 150.000 đồng; Đặng Văn Đ1 mang theo số tiền 500.000 đồng, trong đó sử dụng 50.000 đồng để trả tiền thuê địa điểm, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc; Triệu Văn L1 mang theo số tiền 700.000 đồng, trong đó sử dụng 20.000 đồng để trả tiền thuê địa điểm, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc; Bàn Văn H mang theo số tiền 2.600.000 đồng, trong đó sử dụng 1.600.000 đồng sử dụng để đánh bạc (Hội đã sử dụng 20.000 đồng để trả tiền thuê địa điểm, số tiền 1.580.000 đồng sử dụng để đánh bạc), số tiền 1.000.000 đồng còn lại không sử

dụng vào mục đích đánh bạc; Lý Văn V1 mang theo số tiền 800.000, trong đó sử dụng 20.000 đồng để trả tiền thuê địa điểm, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc; Trương Văn L3 mang theo số tiền 800.000 đồng, trong đó sử dụng 50.000 đồng để trả tiền thuê địa điểm, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc; Hoàng Văn K1 mang theo số tiền 500.000 đồng, trong đó sử dụng 50.000 đồng để trả tiền thuê địa điểm, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc; Lý Thị H2 sử dụng số tiền 50.000 đồng; Đặng Văn T3 mang theo số tiền khoảng hơn 300.000 đồng, trong đó sử dụng 30.000 đồng để trả tiền thuê địa điểm, số tiền còn lại sử dụng để đặt đánh bạc; Đặng Thị N1 sử dụng số tiền 300.000 đồng; Nguyễn Thị T5 mang theo số tiền 300.000 đồng, trong đó sử dụng 20.000 đồng để trả tiền thuê địa điểm, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc; Trương Văn V2 sử dụng số tiền 200.000 đồng; Lý Thị M2 mang theo số tiền 200.000 đồng, trong đó sử dụng 30.000 đồng để trả tiền thuê địa điểm, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc; Đặng Thị N4 sử dụng số tiền 100.000 đồng; Trương Thị N7 mang theo số tiền 100.000 đồng, trong đó sử dụng 30.000 đồng để trả tiền thuê địa điểm, số tiền còn lại sử dụng để đánh bạc; Lý Thị D1 sử dụng số tiền 100.000 đồng. Đối với Đặng Thị S sau khi cho các đối tượng mượn phòng bếp của nhà mình làm địa điểm đánh bạc để thu lợi bất chính số tiền là 320.000 đồng (*ba trăm hai mươi nghìn đồng*), S đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 12/05/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Hà Giang đã ra quyết định trưng cầu giám định số 112/QĐ-CSĐT, trưng cầu Phòng K3 Công an tỉnh H giám định số tiền 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) là tiền thật hay tiền giả.

Tại Kết luận giám định số 159/KL-KTHS ngày 16/5/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh H kết luận: 52 (*năm mươi hai*) tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật" (*có bảng kê mệnh giá tiền và số seri kèm theo*).

Với chứng cứ và hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 54/CT-VKSBQ ngày 15/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố đối với các bị cáo:

- Đặng Thị S về tội “Gá bạc” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

- Đặng Thị X, Nguyễn Thị T5, Trương Văn V2, Triệu Văn L1, Đặng Văn Đ1, Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Hoàng Văn K1, Lý Thị H2, Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Lý Thị M2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố;

1. Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Thị S phạm tội “Gá bạc”. Các bị cáo Đặng Thị X, Nguyễn Thị T5, Trương Văn V2, Triệu Văn L1, Đặng Văn Đ1, Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Hoàng Văn K1, Lý Thị H2,

Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Lý Thị M2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về điều luật và hình phạt:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Đặng Thị Sinh t 01** năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Triệu Văn L1, Đặng Thị X, Trương Văn V2;

+ Đề nghị xử phạt bị cáo **Triệu Văn L1** từ 10 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023.

+ Đề nghị xử phạt các bị cáo **Đặng Thị X, Trương Văn V2**, mỗi bị cáo từ 09 đến 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T5** từ 10 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Đặng Văn Đ1** từ 09 đến 11 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 22 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, Hoàng Văn K1, Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Lý Thị M2, Lý Thị H2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1;

+ Đề nghị xử phạt các bị cáo **Bàn Văn H, Hoàng Văn K1** mỗi bị cáo từ 09 đến 11 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 22 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Đề nghị xử phạt các bị cáo **Lý Văn V1, Trương Văn L3** mỗi bị cáo từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo từ 16 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Đề nghị xử phạt các bị cáo **Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Lý Thị M2** mỗi bị cáo từ 07 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo từ 14 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Đề nghị xử phạt các bị cáo **Lý Thị H2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1** mỗi bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo từ 12 đến 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Đặng Văn Đ1, cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; giao bị cáo Hoàng Văn K1, cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; giao bị cáo Lý Thị D1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; giao các bị cáo Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Lý Thị M2, Lý Thị H2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo chủ yếu đều lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo Hoàng Văn K1 có thu nhập từ lương nhưng hàng tháng phải trả nợ Ngân hàng và các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị. Do đó, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo trong vụ án này theo quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phản tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đều nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng

các vật chứng đã thu giữ tại hiện trường. Ngoài ra, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 09/5/2023; Bản ảnh về nơi đánh bạc; Sơ đồ vị trí ngôi tham gia đánh bạc do các bị cáo tự vẽ; Kết luận giám định số 159/KL-KTHS ngày 16/5/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 09/5/2023 tại quán nhà Đặng Thị X, có Đặng Thị N1, Triệu Văn L1, Lý Văn V1, Lý Thị D1, Nguyễn Thị T5, Hoàng Văn K1 và Đặng Văn Đ1 đến chơi, X đã có hành vi rủ 07 đối tượng này để đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa và được các đối tượng này đồng ý, sau đó X đi sang nhà Đặng Thị S mượn bếp nhà S để đánh bạc và được S đồng ý, S xuống bếp nhà mình trải chiếu cho mọi người đánh bạc, sau đó X và 07 đối tượng nói trên sang khu vực bếp nhà S. Khi xuống đến bếp nhà S, Đặng Văn Đ1 lấy 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng có hoa văn cũ đã qua sử dụng ở bếp nhà bà S, đồng thời Đ1 đi cắt 04 quân bạc bằng tre, bôi một mặt màu đen rồi mang những đồ vật trên ra chiếu chỗ mọi người ngồi để đánh bạc. Lúc này Triệu Văn L1 nói "*có ai xóc **cái** không, không có thì để cháu xóc cái*", và được mọi người đồng ý, sau đó Đặng Thị X, Đặng Thị N1, Triệu Văn L1, Lý Văn V1, Lý Thị D1, Nguyễn Thị T5, Hoàng Văn K1, Đặng Văn Đ1 cùng nhau đánh bạc. Trước khi đánh bạc mọi người thống nhất bên tay trái của người xóc cái là cửa lẻ, bên tay phải người xóc cái là cửa chẵn, khi đánh bạc không quy định mức cược tiền cụ thể mà để cho mọi người tự cá cược tiền với nhau, tỷ lệ cá cược đặt bao nhiêu nếu thắng thì ăn bấy nhiêu và ngược lại. Triệu Văn L1 cho 04 quân bạc vào đĩa sứ, úp bát sứ lên xóc nhiều lần rồi đặt xuống chiếu, sau đó mọi người tự đặt tiền cược với nhau, khi mở bát nếu tất cả bốn quân bạc đen hoặc bốn quân bạc trắng, hoặc hai quân bạc đen, hai quân bạc trắng thì là "chẵn", còn một quân bạc đen, ba quân bạc trắng hoặc một quân bạc trắng, ba quân bạc đen thì "lẻ". Nếu là lẻ thì người đặt cược ở cửa lẻ được số tiền tương ứng với số tiền đã đặt cược, còn nếu là chẵn thì người đặt cược ở cửa chẵn được số tiền tương ứng với số tiền đã đặt cược. Trong lúc chơi, Đặng Văn Đ1 lấy 05 quân tứ lơ khơ gồm 02 quân 4 đỏ - đen, 02 quân 3 đỏ - đen và 01 quân 2 để làm bảng vị cá cược tiền với người chơi, không quy định tỷ lệ cá cược cụ thể, khi chơi bảng vị quy định nếu người chơi đánh quân 2 (*xấp 2*) nếu thắng cược được tính theo tỉ lệ 1 ăn 1,5 (*đánh 10.000 đồng nếu thắng người chơi được tổng số tiền là 25.000 đồng*); đánh vào quân 3 đỏ hoặc 3 đen (*xấp 3*) nếu thắng cược được tính theo tỉ lệ 1 ăn 2 (*đánh 10.000 đồng nếu thắng người chơi sẽ được tổng số tiền 30.000 đồng*); đánh vào quân 4 đỏ hoặc 4 đen (*xấp 4*), nếu người chơi thắng cược sẽ được tính tiền theo tỉ lệ 1 ăn 9 (*đánh 10.000 đồng nếu thắng người chơi sẽ được tổng số tiền 100.000 đồng*);

[3] Các đối tượng đánh bạc được khoảng 15 đến 20 phút thì có thêm Lý Thị M2, Đặng Văn T3, Trương Thị N7, Trương Văn L3, Bàn Văn H lần lượt đến và tham gia đánh bạc. Khi các bị cáo trên đến thì Đặng Thị X nói với tất cả mọi người có mặt ở đó "*ai đánh thì mỗi người nộp từ 20.000 đồng cho chủ nhà*". Những người có mặt cùng nhau góp tiền, trong đó L1 nộp 20.000đ, K1 nộp 50.000đ, Hội nộp 20.000đ, Tuyền nộp 20.000đ, V1 nộp 20.000đ, L3 nộp 50.000đ, M2 nộp 30.000đ, Nổi nộp 30.000đ, T3 nộp 30.000đ, Đ1 nộp 50.000đ. Số tiền trên mọi người đưa cho L1, L1 đếm được 320.000 đồng và đưa lại hết số tiền đó cho Đặng Thị X, sau đó X

đưa lại cho Đặng Thị S chủ nhà hết số tiền đó ngay tại nơi đánh bạc. Quá trình đánh bạc tiếp tục có thêm Trương Văn V2, Đặng Thị N4, Lý Thị H2 đến tham gia cùng. Tổng số 16 đối tượng tham gia đánh bạc đến khoảng 15 giờ 40 phút ngày 09/5/2023 thì bị tổ công tác của Công an huyện B phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) và các đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi đánh bạc và thu giữ tiền của bị cáo Bàn Văn H đem theo nhưng không sử dụng vào mục đích đánh bạc là 1.000.000 đồng. Như vậy số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc trong vụ án này được xác định là 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

[4] Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với mục đích tư lợi, mặc dù biết việc đánh bạc; gá bạc là hành vi trái pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, xâm phạm đến trật tự công cộng; các bị cáo đánh bạc với số tiền 6.500.000 đồng;

[5] Như vậy hành vi của bị cáo Đặng Thị S đã phạm tội "*Gá bạc*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự (Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên).

[6] Hành vi của các bị cáo Đặng Thị X, Nguyễn Thị T5, Trương Văn V2, Triệu Văn L1, Đặng Văn Đ1, Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Hoàng Văn K1, Lý Thị H2, Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Lý Thị M2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1 đã phạm tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng).

[7] Vì vậy, Cáo trạng số 54/CT-VKSQBQ ngày 15/8/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng là khách thể được pháp luật Nhà nước ta bảo vệ, hành vi đó còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi đánh bạc, gá bạc của mình là trái pháp luật nhưng do ham vui, không làm chủ được bản thân, nên các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc. Trong vụ án này, các bị cáo đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa với mục đích được thua bằng tiền, trong đó người thắng được nhận một khoản lợi ích vật chất từ người thua. Động cơ, mục đích đánh bạc của các bị cáo và gá bạc của bị cáo S là vì tư lợi, nhằm sát phạt tiền là tài sản của nhau, vì vậy cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm giáo dục đối với các bị cáo và để răn đe và phòng ngừa chung.

[9] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo thấy rằng: Trong vụ án này, đối với hành vi phạm tội Gá bạc là độc lập; còn hành vi phạm tội Đánh bạc, có nhiều bị cáo cùng tham gia, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo là bột phát, không có sự câu kết hay phân công chặt chẽ nên thuộc trường

hợp đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử phân hóa vai trò các bị cáo trong tội Đánh bạc như sau: Đối với bị cáo Đặng Thị X là người khởi sự, rủ mọi người đánh bạc, tìm địa điểm để mọi người đánh bạc, số tiền bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 150.000 đồng, nên bị cáo là người có vai trò cao nhất trong vụ án; bị cáo Đặng Văn Đ1 là người chuẩn bị các công cụ, số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc là 500.000 đồng (trong đó 50.000 đồng để đưa cho chủ nhà và 450.000 đồng dùng đánh bạc); bị cáo Triệu Văn L1 là người xóc cái, số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc là 700.000 đồng (trong đó 20.000 đồng để đưa cho chủ nhà và 680.000 đồng dùng đánh bạc); bị cáo, nên Đặng Văn Đ1, Triệu Văn L1 tham gia đánh bạc với vai trò giúp sức tích cực nên có vai trò thứ hai. Các bị cáo còn lại đều tham gia với vai trò đánh bạc, số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc như sau: Bàn Văn H sử dụng số tiền 1.600.000 đồng (Trong đó 20.000 đồng để đưa cho chủ nhà và 1.580.000 đồng dùng đánh bạc); Lý Văn V1 sử dụng số tiền 800.000 đồng (Trong đó 20.000 đồng để đưa cho chủ nhà và 780.000 đồng dùng đánh bạc); Trương Văn L3 sử dụng số tiền 800.000 đồng (Trong đó 50.000 đồng để đưa cho chủ nhà và 750.000 đồng dùng đánh bạc); Hoàng Văn K1 sử dụng số tiền 500.000 đồng (Trong đó 50.000 đồng để đưa cho chủ nhà và 450.000 đồng dùng đánh bạc); Lý Thị H2 sử dụng số tiền 50.000 đồng; Đặng Văn T3 sử dụng số tiền 300.000 đồng (Trong đó 30.000 đồng để đưa cho chủ nhà và 270.000 đồng dùng đánh bạc); Đặng Thị N1 sử dụng số tiền 300.000 đồng; Nguyễn Thị T5 sử dụng số tiền 300.000 đồng (Trong đó 20.000 đồng để đưa cho chủ nhà và 280.000 đồng dùng đánh bạc); Trương Văn V2 sử dụng số tiền 200.000 đồng; Lý Thị M2 sử dụng số tiền 200.000 đồng (Trong đó 30.000 đồng để đưa cho chủ nhà và 170.000 đồng dùng đánh bạc); Đặng Thị N4 sử dụng số tiền 100.000 đồng; Trương Thị N7 sử dụng số tiền 100.000 đồng (Trong đó 30.000 đồng để đưa cho chủ nhà và 70.000 đồng dùng đánh bạc); Lý Thị D1 sử dụng số tiền 100.000 đồng.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Về nhân thân đối với từng bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị T5, Đặng Văn Đ1, Hoàng Văn K1, là người có nhân thân chưa tốt, bị cáo Trương Văn V2, Triệu Văn L1 là người có 01 tiền sự, còn lại các bị cáo khác đều có nhân thân tốt.

[12] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo Đặng Thị X, Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Hoàng Văn K1, Lý Thị H2, Đặng Văn T3, Đặng Văn N8, Lý Thị M2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị T5 là dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống pháp, chống mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế nên bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đặng Thị X, Đặng Thị S, Đặng Văn Đ1, Triệu Văn L1, Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Hoàng Văn K1, Lý Thị H2, Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Trương Văn V2, Lý Thị M2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1, các bị cáo này là

người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đặng Thị S, Đặng Thị N4, Trương Văn V2, Đặng Thị N1, Lý Thị D1, các bị cáo này trình độ học vấn 0/12, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, do vậy các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đặng Văn Đ1, Đặng Văn T3 ra đầu thú nên các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[13] Về hình phạt đối với các bị cáo: Trên cơ sở đánh giá vai trò của từng bị cáo và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp.

[14] Đối với bị cáo Đặng Thị S đã phạm tội "*Gá bạc*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự phạm tội với lỗi cố ý và thuộc loại tội phạm nghiêm trọng; bị cáo Đặng Thị X phạm tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự phạm tội với lỗi cố ý, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo X là người khởi sự, rủ mọi người đánh bạc, tìm địa điểm để mọi người đánh bạc, giữ vai trò cao nhất trong vụ án đánh bạc; bị cáo Nguyễn Thị T5, sau khi xét xử vụ án hình sự ngày 01/02/2024, trong khi bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đang bị kháng cáo thì bị cáo T5 lại phạm tội mới; còn các bị cáo Triệu Văn L1, Trương Văn V2, tại thời điểm phạm tội trong vụ án này, bị cáo L1, V2 đều đang có tiền sự, chưa được xóa. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo Đặng Thị S, Đặng Thị X, Nguyễn Thị T5, Triệu Văn L1, Trương Văn V2 ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, mới đủ tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung, để các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội;

[15] Đối với các bị cáo Đặng Văn Đ1, Bàn Văn H, Hoàng Văn K1, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Lý Thị H2, Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Lý Thị M2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1 phạm tội là đồng phạm giản đơn, có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời trong thời gian tại ngoại các bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay có vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc trong vụ án này được xác định là 6.500.000 đồng, quá trình sinh sống tại địa phương các bị cáo đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị quyết số 02/2018/HĐTP, ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo Đ1, H, K1, V1, L3, H2, T3, N1, M2, N4, N7, D1 mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Tuy nhiên, khi xem xét mức hình phạt cũng cần căn cứ vào vai trò và các tình tiết giảm nhẹ của người phạm tội để áp dụng mức hình phạt đối với mỗi bị cáo cho phù hợp.

[16] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo chủ yếu đều lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo Hoàng Văn K1 có thu nhập từ lương nhưng hàng tháng phải trả nợ ngân hàng, các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo trong vụ án này theo quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

[17] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[18] Đối với những vật chứng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tạm giữ, quá trình điều tra xác định các vật chứng đó không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại giai đoạn điều tra, ngày 18/5/2023 Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài sản, trả lại cho các chủ sở hữu, các chủ sở hữu không có ý kiến gì, việc trả lại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Đối với vật chứng đã thu giữ trong vụ án gồm: Số tiền 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) (Trong đó số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.500.000 đồng và số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Bàn Văn H không sử dụng vào mục đích đánh bạc) đã được chuyển từ tài khoản tạm gửi số 359109048641 của công an huyện B sang tài khoản số 394901047740 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang. Xét thấy số tiền 6.500.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Bàn Văn H không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho Bàn Văn H. Đối với vật chứng là 01 bát sứ màu trắng, cũ đã qua sử dụng; 01 đĩa sứ màu trắng, có hoa văn cũ đã qua sử dụng; 04 quân bạc bằng tre, một mặt màu trắng, một mặt màu đen; 05 quân bài tứ lơ khơ; 01 chiếu nhựa màu xanh, cũ đã qua sử dụng. Xét thấy đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi đánh bạc, không có giá trị, nên cần tịch thu tiêu hủy. Truy thu của bị cáo Đặng Thị S số tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội mà có số tiền là 320.000đ (*Ba trăm hai mươi nghìn đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

[20] Về án phí: Các bị cáo Đặng Thị S, Đặng Thị X, Đặng Văn Đ1, Triệu Văn L1, Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Hoàng Văn K1, Lý Thị H2, Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Nguyễn Thị T5, Lý Thị M2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Trương Văn V2 thuộc hộ nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Thị S phạm tội “Gá bạc”. Các bị cáo Đặng Thị X, Trương Văn V2, Nguyễn Thị T5, Triệu Văn L1, Đặng Văn Đ1, Hoàng Văn K1, Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Lý Thị M2, Lý Thị H2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đặng Thị S** 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Triệu Văn L1, Đặng Thị X, Trương Văn V2;

+ Xử phạt bị cáo **Triệu Văn L1** 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023.

+ Xử phạt các bị cáo **Đặng Thị X, Trương Văn V2** mỗi bị cáo 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, các bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T5** 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 18/5/2023.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đặng Văn Đ1** 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn K1, Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Lý Thị M2, Lý Thị H2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1;

+ Xử phạt các bị cáo **Hoàng Văn K1, Bàn Văn H** mỗi bị cáo 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Xử phạt các bị cáo **Lý Văn V1, Trương Văn L3** mỗi bị cáo 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Xử phạt các bị cáo **Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Lý Thị M2** mỗi bị cáo 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Xử phạt các bị cáo **Lý Thị H2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1** mỗi bị cáo 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của mỗi bị cáo là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Đặng Văn Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; giao bị cáo Hoàng Văn K1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; giao bị cáo Lý Thị D1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; giao các bị cáo Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Đặng Văn T3, Đặng Thị

N1, Lý Thị M2, Lý Thị H2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo trong vụ án này theo quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước tiền Ngân hàng N9 là 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) trong tổng số tiền đã thu giữ là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) đã được chuyển từ tài khoản tạm gửi số 359109048641 của công an huyện B sang tài khoản số 394901047740 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng, cũ đã qua sử dụng; 01 đĩa sứ màu trắng, có hoa văn cũ đã qua sử dụng; 04 quân bạc bằng tre, một mặt màu trắng, một mặt màu đen; 05 quân bài tứ lơ khơ; 01 chiếu nhựa màu xanh, cũ đã qua sử dụng;

Trả lại cho Bàn Văn H tiền Ngân hàng N9 là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) trong tổng số tiền đã thu giữ là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) đã được chuyển từ tài khoản tạm gửi số 359109048641 của công an huyện B sang tài khoản số 394901047740 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang;

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 07/12/2023*).

- Truy thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 320.000đ (*Ba trăm hai mươi nghìn đồng*) đối với bị cáo bị cáo Đặng Thị S.

5. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Miễn số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) cho bị cáo Trương Văn V2.

- Các bị cáo Đặng Thị S, Đặng Thị X, Đặng Văn Đ1, Triệu Văn L1, Bàn Văn H, Lý Văn V1, Trương Văn L3, Hoàng Văn K1, Lý Thị H2, Đặng Văn T3, Đặng Thị N1, Nguyễn Thị T5, Lý Thị M2, Đặng Thị N4, Trương Thị N7, Lý Thị D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm;

Ghi nhận các bị cáo đã nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án, huyện B, tỉnh Hà Giang, cụ thể: Đặng Thị S nộp ngày 01/02/2024 theo biên lai số 0001255, Đặng Thị X nộp ngày 01/02/2024 theo biên lai số 0001256, Triệu Văn L1 nộp ngày 28/3/2024 theo biên lai số 0002829, Bàn Văn H nộp ngày 29/3/2024 theo biên lai số 0002781, Lý Văn V1 nộp ngày 28/3/2024 theo biên lai số 0002832, Trương Văn L3 nộp ngày 26/3/2024 theo biên lai số 0002827, Hoàng Văn K1 nộp ngày 26/3/2024 theo biên lai số 0002826, Lý Thị H2 nộp ngày 28/3/2024 theo biên lai số 0002830, Đặng Văn T3 nộp ngày 03/4/2024 theo biên lai số 0002835, Đặng Thị N1 nộp ngày 28/3/2024 theo biên lai số 0002833, Nguyễn Thị T5 nộp ngày 02/4/2024 theo biên lai số 0002834, Lý Thị M2 nộp ngày 28/3/2024 theo biên lai số 0002830, Đặng Thị N4 nộp ngày 03/4/2024 theo biên lai số 0002836, Trương Thị N7 nộp ngày 26/3/2024 theo biên lai số 0002828, Lý Thị D1 nộp ngày 12/4/2024 theo biên lai số 0002837;

Ghi nhận bị cáo Đặng Văn Đ1 đã nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 15/4/2024 theo biên lai số 0033609, tại Chi cục Thi hành án huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 và 335 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nhung

